

終南山 (*zhōng nán shān*)

太乙近天都 (*tài yǐ jìn tiān dū*)

連山到海隅 (*lián shān dào hǎi yú*)

白雲徊望合 (*bái yún huí wàng hé*)

青靄入看無 (*qīng ǎi rù kàn wú*)

分野中峰變 (*fēn yě zhōng fēng biàn*)

陰晴眾壑殊 (*yīn qíng zhòng hè shū*)

欲投人處宿 (*yù tóu rén chù sù*)

隔水問樵夫 (*gé shuǐ wèn qiáo fū*)